

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SẦM SƠN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2022/HS-ST

Ngày: 25 - 02 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SẦM SƠN, TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Chu Ngọc Trọng
Ông Nguyễn Hữu Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sầm Sơn, Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sầm Sơn tham gia phiên tòa:
Ông Lê Văn Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sầm Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 06/2022/TLST- HS ngày 26 tháng 01 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2022/QĐXXST- HS ngày 14 tháng 02 năm 2022 đối với bị cáo:

Đỗ Ngọc L - sinh năm 1976; Nơi cư trú: Khu phố N, phường Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 2/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đỗ Ngọc T (đã chết) và bà: Nguyễn Thị M; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 21/11/2021 đến ngày 30/11/2021 áp dụng biện pháp ngăn chặn bằng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt

Người bị hại: Chị Lê Thị H – SN 1997; (Vắng mặt)

Địa chỉ: KP. N, phường Q, Thành phố. S, Thanh Hóa

Người làm chứng: Anh Phạm Viết N – SN 1980; (Vắng mặt)

Chị Trương Thị Tâm – SN 1979; (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: KP. N, phường Q, Thành phố. S, Thanh Hóa

Bà Nguyễn Thị Q - SN 1957; (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 9, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 06 giờ ngày 21/11/2021 Đỗ Ngọc L đi bộ từ nhà ở khu phố N, phường Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa dọc theo đường liên thôn để tìm nơi trộm cắp tài sản. Khi đi đến nhà anh Trần Xuân T, sinh năm 1997 ở cùng khu phố N, phường Q, thành phố S. Quan sát thấy nhà anh T không có ai ở nhà, nhưng phía trước có Camera nên L đi vòng ra phía hông nhà, chui qua lỗ hồng hàng rào sắt “B40”, đi qua bếp lên phòng ngủ. Lúc này cháu Trần Lê Tường V, sinh năm 2018 (con anh T) đang ngủ trên giường. Đỗ Ngọc L lục tìm tài sản và phát hiện dưới đệm ở đầu giường có 01 tập tiền gồm nhiều mệnh giá khác nhau, Đỗ Ngọc L đã lấy toàn bộ số tiền cất dấu trong người rồi nhanh chóng rời khỏi nhà anh T bằng lối đột nhập. Trên đường về L gặp anh Phạm Viết N, sinh năm 1980 cùng khu phố N, phường Q, thành phố S (là em rể); Đỗ Ngọc L xin đi nhờ xe về. Khi về đến nhà, để tránh sự phát hiện của mọi người trong gia đình, Đỗ Ngọc L đã cất dấu số tiền trộm cắp được vào trong ba lô để trong buồng.

Đến khoảng 08 giờ cùng ngày chị Lê Thị H (vợ anh T) về nhà phát hiện bị kẻ gian trộm cắp toàn bộ số tiền để dưới đệm đầu giường là 19.330.000 đồng. Anh Trần Xuân T đã kiểm tra hình ảnh Camera thì phát hiện người vào trộm cắp tiền là Đỗ Ngọc L ở cùng thôn, nên đã trích xuất hình ảnh lưu vào USB và đến Công an phường Q trình báo, đồng thời giao nộp 01 USB có lưu hình ảnh liên quan

Biết sự việc đã bị phát giác, Công an đang điều tra nên Đỗ Ngọc L đến Công an phường Q đầu thú khai nhận hành vi phạm tội và giao nộp toàn bộ số tiền trộm cắp được là 19.330.000 đồng. Công an phường Q đã báo cáo Cơ quan CSĐT Công an thành phố S điều tra, xử lý theo quy định của pháp luật.

Kết luận giám định số: 3599/PC09 ngày 02/12/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa. Kết luận: 92 tờ tiền Polymer Việt Nam gửi giám định là tiền thật.

Kết luận giám định số: 290/PC09 ngày 04/01/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa. Kết luận: Không phát hiện dấu hiệu chỉnh sửa, cắt ghép nội dung hình ảnh trong 01 tệp video của 01 USB gửi giám định. Đồng thời trích xuất 07 hình ảnh đối tượng trong video.

Vật chứng của án: Số tiền 19.330.000 đồng, sau khi giám định Cơ quan CSĐT Công an thành phố S đã trả lại cho chị Lê Thị H.

- 01 (một) phong bì đựng USB có hình ảnh liên quan đến hành vi phạm tội của bị can, được quản lý theo hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra chị Lê Thị H đã nhận lại toàn bộ

tài sản và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Cáo trạng số 12/Ctr-VKS-HS ngày 25/01/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố S truy tố Đỗ Ngọc L về tội “ Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng: khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 BLHS và tuyên bố bị cáo Đỗ Ngọc L phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Đề nghị xử phạt: Đỗ Ngọc L từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng và giao bị cáo cho địa phương nơi cư trú giám sát, giáo dục và đề nghị miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo; Về vật chứng: đối với 01 (một) phong bì đựng USB có hình ảnh liên quan đến hành vi phạm tội của bị can đề nghị tiếp tục quản lý theo hồ sơ vụ án; Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định pháp luật.

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát và đề nghị Tòa án xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về phần thủ tục tố tụng: Trong giai đoạn điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã tuân thủ các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Việc thu thập chứng cứ, ban hành các quyết định là khách quan, toàn diện và đầy đủ. Quá trình điều tra truy tố và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan, người tiến hành tố tụng.

[2]. Về nội dung vụ án: Quá trình điều tra và tại phiên tòa Đỗ Ngọc L khai nhận do lợi dụng sơ hở của người bị hại nên vào khoảng 06 giờ ngày 21/11/2021 Đỗ Ngọc L đã đột nhập vào nhà anh Trần Xuân T ở khu phố N, phường Q, thành phố S, Thanh Hóa trộm cắp số tiền 19.330.000 đồng. Biết hành vi của mình bị phát giác nên Đỗ Ngọc L đã đến Công an phường Q đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và giao nộp toàn bộ số tiền trộm cắp được. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của người bị hại. Đủ cơ sở khẳng định bị cáo đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 173 BLHS. Do đó việc truy tố của Viện kiểm sát là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng, do lợi dụng sơ hở của người bị hại nên bị cáo đã đột nhập trộm cắp tiền của người bị hại đem về nhà cất giấu. Hành vi

của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến chế độ quyền sở hữu, quản lý tài sản hợp pháp của công dân, làm mất an ninh trật tự xã hội, gây hoang mang cho người dân, xem thường kỷ cương pháp luật. Vì vậy cần phải được xử lý nghiêm để răn đe giáo dục phòng ngừa chung.

[4]. Xét nhân thân bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện giao nộp tài sản trộm cắp để khắc phục hậu quả, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo đầu thú và được người bị hại làm đơn xin giảm nhẹ hình phạt. Do đó bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ TNHS, có nhân thân tốt và có nơi cư trú rõ ràng do đó không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú giám sát, giáo dục cũng đủ để cải tạo bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội và cũng đảm bảo công tác đấu tranh và phòng ngừa tội phạm.

[5] Hình phạt bổ sung: Bị cáo không có công việc ổn định, là lao động tự do nên xem xét miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[6] Trách nhiệm dân sự: ghi nhận người bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì nên miễn xét

[7] Án phí: Bị cáo phải nộp án phí HSST theo quy định tại Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 BLHS; khoản 2 Điều 136; Điều 331, Điều 333 BLTTHS.

Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Đỗ Ngọc L phạm tội “ Trộm cắp tài sản”

Xử phạt: Bị cáo Đỗ Ngọc L 07 (Bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 14 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

“Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể buộc người được hưởng án treo phải chấp hành phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo theo quy định tại khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự”.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí HSST

Bản án này là sơ thẩm, bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi án có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6; Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- VKSND TP. Sầm Sơn;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Công an TP. Sầm Sơn;
- Thi hành án HS, DS TP. Sầm Sơn;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Văn Hùng